

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mẫn Ngọc Anh
Ông Mẫn Hồng Cần
Bà Nguyễn Thị Quế
Ông Đỗ Văn Cương
Ông Tạ Xuân Kiên
Ông Trần Vĩnh Hưng

Chức vụ

Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mẫn Ngọc Anh
Ông Mẫn Hồng Cần
Ông Tạ Xuân Kiên
Ông Bùi Kim Huy
Ông Đỗ Văn Cương

Chức vụ

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Mẫn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 09 năm 2013

Số: 160/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/03/2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26/09/2013, từ trang 04 đến trang 25. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán dưới đây, Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán số 231/2013/BCKT-AASCN ngày 30/07/2013.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/03/2013, Công ty chưa xác định mức tổn thất các khoản đầu tư tài chính làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

Tại ngày 31/03/2013, Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Rexam Hanacans và Công ty Cổ phần Sản xuất Dây điện từ Hanaka chưa thu thập được lịch trả nợ của các khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả của các ngân hàng, do đó chúng tôi không có đủ căn cứ để xem xét việc phân loại và trình bày nợ dài hạn đến hạn trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2013 của Công ty.

Theo báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty con - Công ty Cổ phần Rexam ABM (đã được kiểm toán) với ý kiến kiểm toán ngoại trừ các vấn đề liên quan đến hạn chế phạm vi kiểm toán và không thống nhất trong xử lý kế toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về việc ảnh hưởng của các số liệu tài chính, kế toán của Công ty con này đến báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Công ty.

Năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013 là năm đầu tiên Công ty Cổ phần Rexam ABM lập báo cáo tài chính hợp nhất nên chúng tôi không đưa ý kiến nhận xét về số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty Cổ phần Rexam ABM và các ảnh hưởng đến số dư đầu kỳ của Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/03/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý các vấn đề sau

Trong năm, Công ty Cổ phần Rexam ABM đã chuyển nhượng toàn bộ dự án Nhà máy gồm nhà xưởng, máy móc thiết bị cho Công ty TNHH Bao Bì Nước giải khát Crown Đồng Nai (đối tác ngoài tập đoàn), dẫn tới phần lớn tài sản của Công ty Cổ phần Rexam ABM đã được thanh lý trong năm và phần lớn cán bộ công nhân viên phải nghỉ việc phản ánh việc thu hẹp quy mô sản xuất của Công ty. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Rexam ABM cũng đã thực hiện mua lại tài sản của công ty con, Công ty Cổ phần Bao bì Hanaka A.B.M để tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, báo cáo tài chính hợp nhất này vẫn được lập trên giả định hoạt động liên tục.

Như trình bày tại thuyết minh số 29 "Công nợ tiềm tàng", Công ty Cổ phần Rexam ABM đang làm việc với cơ quan thuế để quyết toán thuế và các nghĩa vụ thuế liên quan đến Công ty Cổ phần Bao bì kim loại Vina Can Sài Gòn. Công ty cam kết sẽ thực hiện theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế liên quan đến thuế GTGT phải nộp của Công ty Cổ phần Rexam ABM và các nghĩa vụ thuế liên quan đến Công ty Cổ phần Bao bì kim loại Vina Can Sài Gòn.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0294-2013-156-I

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2013

Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1403-2013-156-I

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

MẪU SỐ B 01 - DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2013	01/04/2012 (Trình bày lại)
			1.924.175.520.946	2.262.935.959.408
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	19.800.700.349	29.863.190.943
1. Tiền	111		11.000.700.349	29.863.190.943
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.800.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.368.850.432.911	1.513.629.130.550
1. Phải thu khách hàng	131		617.827.084.396	1.142.919.026.709
2. Trả trước cho người bán	132		209.785.266.554	129.854.034.100
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5	392.810.308.192	145.184.006.104
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	6	149.694.936.618	95.837.104.335
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.267.162.849)	(165.040.698)
III. Hàng tồn kho	140	7	496.018.190.718	646.948.524.403
1. Hàng tồn kho	141		496.018.190.718	647.313.598.093
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(365.073.690)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.506.196.968	72.495.113.512
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	7.381.377.164	16.012.443.292
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.299.804.339	16.339.683.039
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		230.118.379	34.961.119
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	26.594.897.086	40.108.026.062
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			1.674.372.724.829	2.175.263.950.871
(200=220+240+250+260)	200			
I. Tài sản cố định	220		1.527.510.949.466	2.016.946.292.002
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	819.910.996.804	1.550.619.128.105
- Nguyên giá	222		1.140.893.324.564	1.859.288.937.920
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(320.982.327.760)	(308.669.809.815)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.327.611.412	1.500.398.879
- Nguyên giá	228		2.250.783.805	2.250.783.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(923.172.393)	(750.384.926)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	706.272.341.250	464.826.765.018
II. Bất động sản đầu tư	240	13	46.651.830.002	46.751.829.998
- Nguyên giá	241		47.189.330.000	47.189.330.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(537.499.998)	(437.500.002)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		76.233.593.825	70.932.097.500
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	400.000.000	400.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	75.833.593.825	70.532.097.500
IV. Tài sản dài hạn khác	260		23.976.351.536	40.633.731.371
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	23.835.351.536	40.492.731.371
2. Tài sản dài hạn khác	268		141.000.000	141.000.000
C. Lợi thế thương mại	269		55.985.104.245	64.820.869.864
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)	270		3.654.533.350.020	4.503.020.780.143

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh	31/03/2013	01/04/2012 (Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	2.533.135.158.457	3.566.117.891.025
I. Nợ ngắn hạn	310	1.611.890.092.198	2.380.954.728.644
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 17	864.736.339.829	918.109.940.849
2. Phải trả người bán	312	677.740.805.323	1.306.354.440.200
3. Người mua trả tiền trước	313	20.627.056.487	41.869.585.425
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 18	23.466.085.121	30.688.104.797
5. Phải trả người lao động	315	3.931.395.923	3.480.732.662
6. Chi phí phải trả	316	6.986.746.521	18.041.920.297
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 19	14.401.662.994	62.410.004.414
II. Nợ dài hạn	330	921.245.066.259	1.185.163.162.381
1. Phải trả dài hạn khác	333 20	91.020.000.000	74.344.608.558
2. Vay và nợ dài hạn	334 21	830.132.794.053	1.110.814.553.823
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	92.272.206	-
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400	993.818.301.286	917.410.530.457
I. Vốn chủ sở hữu	410 22	993.818.301.286	917.410.530.457
1. Vốn điều lệ	411	766.111.437.372	766.111.437.372
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	136.107.750.000	136.107.750.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	27.744.290.488	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	1.434.524	(21.620.104.170)
5. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	420	63.853.388.902	36.811.447.255
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	127.579.890.277	19.492.358.661
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440	3.654.533.350.020	4.503.020.780.143

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/03/2013	04/01/2012
I. Ngoại tệ các loại		
Tiền gửi USD	189.766,51	83.600,20
Tiền gửi SGD	129,10	129,10
Tiền gửi EUR	4.714,52	4.257,18
Tiền gửi RMB	18,00	18,00



Mẫn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 26 tháng 09 năm 2013

Trần Lục Xít
Q. Giám đốc tài chính

Trần Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	23	1.795.238.832.263	2.761.949.494.108
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		7.971.283.685	2.419.507.029
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	1.787.267.548.578	2.759.529.987.079
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	1.584.560.165.840	2.483.036.712.669
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		202.707.382.738	276.493.274.410
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	6.150.595.966	11.832.031.321
7. Chi phí tài chính	22	26	231.810.915.611	279.173.670.201
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		147.529.492.982	239.373.197.039
8. Chi phí bán hàng	24		36.492.788.148	35.482.215.718
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		57.880.452.493	57.557.418.603
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(117.326.177.548)	(83.887.998.791)
11. Thu nhập khác	31		879.148.528.670	70.517.869.877
12. Chi phí khác	32		716.369.284.698	73.617.767.012
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	162.779.243.972	(3.099.897.135)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		45.453.066.424	(86.987.895.926)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	6.156.948.737	378.959.261
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		39.296.117.687	(87.366.855.187)
16.1 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		24.773.844.318	(83.629.136.668)
16.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		14.522.273.369	(3.737.718.519)
17. Lãi (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	29	323	(1.092)



Mẫn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 26 tháng 09 năm 2013

Trần Lục Xít
Q. Giám đốc tài chính

Trần Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND
Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	45.453.066.424	(86.987.895.926)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	99.877.957.437	96.822.316.007
Các khoản dự phòng	3	737.048.461	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(11.628.910.017)	(4.823.624.490)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(478.584.565)	-
Chi phí lãi vay	6	147.529.492.982	239.373.197.039
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	281.490.070.722	244.383.992.630
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(492.281.153.191)	(35.875.643.933)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	151.295.407.375	(51.017.591.049)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(635.662.425.444)	65.737.479.717
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	25.288.445.963	(15.842.142.604)
Tiền lãi vay đã trả	13	(147.529.492.982)	(227.956.712.715)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.373.574.264)	(2.083.302.194)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	119.856.985.308	2.018.900.454
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	151.411.581.937	(31.401.552.088)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(547.504.154.576)	(52.036.571.782)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	274.209.219.707	(370.894.016.269)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	660.033.579.095	2.758.819.310
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(280.301.060.331)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	283.835.785.950	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	478.584.565	5.097.185.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	938.256.108.986	(363.038.011.875)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.717.479.773.887	1.810.405.309.486
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.118.294.218.891)	(1.378.017.018.707)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(427.939.996)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(400.814.445.004)	431.960.350.783
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(10.062.490.594)	16.885.767.126
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	29.863.190.943	12.980.774.293
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(3.350.476)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	19.800.700.349	29.863.190.943

Thông tin phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 14.547.831.600 đồng, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Mẫn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 26 tháng 09 năm 2013

Trần Lục Xít
Q. Giám đốc tài chính

Trần Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 2300296337 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 14 tháng 2 năm 2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 05 tháng 08 năm 2011. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 1.100.000.000.000 đồng (Một nghìn một trăm tỷ đồng).

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh gồm:

Cổ đông	Số CP	Vốn điều lệ góp theo đăng ký kinh doanh		Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/03/2013	
		VND	%	VND	%
Công ty TNHH Hồng Ngọc	65.269.400	652.694.000.000	59,34	488.449.307.372	44,40
Mẫn Ngọc Anh	18.583.400	185.834.000.000	16,89	186.334.000.000	16,94
Đặng Đình Tĩnh	-	-	-	33.691.030.000	3,06
Các cổ đông khác	26.147.200	261.472.000.000	23,77	57.637.100.000	5,24
Tổng cộng	110.000.000	1.100.000.000.000	100,0	766.111.437.372	69,6

Trụ sở theo Giấy chứng nhận đầu tư: Khu công nghiệp Hanaka - thị xã Từ Sơn - Bắc Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2013 là 178 người (tại ngày 31/03/2012 là 192 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: xê măng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5mm;
- Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm², điện áp đến 500KV;
- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vận xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cột (các sản phẩm bằng đồng);
- Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Sản xuất xi măng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Sản xuất các loại kim loại;
- Đầu tư thủy điện, nhiệt điện, kinh doanh mua bán điện;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, san lấp mặt bằng;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp; Kinh doanh môi giới, đấu giá bất động sản;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh siêu thị, làm đại lý bán vé máy bay, vé tàu xe, đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, thẩm thấu, xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu;
- Cho thuê bãi đỗ xe, nhà xưởng sản xuất, kho tàng phương tiện vận tải và máy móc thiết bị;
- Tháo dỡ công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại), cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh khu vui chơi, giải trí;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su, bột cao su, nhựa đường;
- Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngày 25/04/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC về việc “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định” có hiệu lực từ ngày 10/06/2013 và áp dụng từ năm tài chính 2013. Theo Thông tư này thì năm tài chính 2013, các tài sản cố định đang sử dụng sẽ có sự thay đổi về nguyên giá tài sản cũng như phương pháp trích khấu hao đối với các tài sản cố định trong năm 2013. Tuy nhiên, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong năm tài chính hiện tại của Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 31/03/2013, một số khoản công nợ phải thu ngắn hạn của Công ty đã quá hạn thanh toán, tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty đánh giá các khoản công nợ này vẫn có khả năng thu hồi trong thời gian tới, do đó Công ty chưa trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 50
Máy móc thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, phụ tùng, các dụng cụ hành chính và các công cụ dụng cụ phục vụ thi công tại các công trình. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng kỳ theo tỷ lệ % hàng tháng, thời gian phân bổ vào chi phí tối đa là ba năm.

Các khoản giao dịch nội bộ trong tập đoàn

Các khoản công nợ phát sinh giữa Công ty với các công ty con trong cùng Tập đoàn: Công ty đang theo dõi và trình bày trên khoản mục phải thu nội bộ, phải trả nội bộ phục vụ cho mục đích quản trị của Tập đoàn.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính, theo đó:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật và được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Tiền mặt	998.720.708	1.284.111.282
Tiền gửi ngân hàng	10.001.979.641	28.579.079.661
Các khoản tương đương tiền	8.800.000.000	-
- Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng	8.800.000.000	-
Cộng	19.800.700.349	29.863.190.943

5. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	31/03/2013	04/01/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Hồng Ngọc	341.118.279.087	133.571.919.403
Công ty KD Vật liệu Vinametal	7.182.577.380	-
Công ty CP Cao Su HaNaLu Huân	49.723.344	-
Mầm Ngọc Anh	38.077.414.090	-
Cty CP tư vấn thiết kế và Xây dựng Công nghiệp HANAKA	6.382.314.291	11.612.086.701
	392.810.308.192	145.184.006.104

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Xuất đổi MBA, bảo hành	1.502.557.124	-
Mẫn Ngọc Anh	107.174.593.358	56.818.568.708
Mẫn Thị Mai	362.375.000	-
Kinh phí công đoàn nộp thừa	504.198.682	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi chi quá	149.465.000	-
Góp vốn Vũ Hoài Nam (i)	12.885.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Hanaka - ILJIN	8.700.000.000	-
Novelis korea Limited Ulsan Plant	11.071.300.644	-
Cty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát Crown Đồng Nai	1.965.982.695	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.579.464.115	39.018.535.627
	149.694.936.618	95.837.104.335

(i) Khoản tiền góp vốn đầu tư với Ông Vũ Hoài Nam chưa hoàn thiện các hồ sơ pháp lý liên quan nên Công ty đang theo dõi trên khoản công nợ phải thu khác.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6.216.271.533	4.033.320.013
Nguyên liệu, vật liệu	179.404.782.370	353.423.620.632
Công cụ, dụng cụ	8.045.966.357	13.095.913.058
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	73.676.949.488	87.690.430.191
Thành phẩm	163.324.946.460	186.868.969.293
Hàng hoá	64.529.274.510	2.201.344.906
Cộng	496.018.190.718	647.313.598.093
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(365.073.690)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	496.018.190.718	646.948.524.403

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Số đầu năm	16.012.443.292	-
- Số tăng trong năm	11.940.211.779	16.012.443.292
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(12.813.219.251)	-
- Giảm khác	(7.758.058.656)	-
Số dư cuối năm	7.381.377.164	16.012.443.292

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	3.707.796.037	584.111.775
Tạm ứng cho nhân viên	9.447.736.419	1.021.849.813
Cầm cố, ký cược ký quỹ ngắn hạn	13.439.364.630	38.502.064.474
	26.594.897.086	40.108.026.062

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/04/2012	334.633.507.273	1.478.840.231.478	38.397.895.966	6.327.303.203	1.090.000.000	1.859.288.937.920
Tăng do mua sắm	18.000.000.000	46.753.502.580	340.000.000	349.495.255	-	65.442.997.835
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.968.921.621	128.900.843.882	-	77.545.455	-	132.967.310.958
Thanh lý, nhượng bán	(34.439.632.062)	(713.853.740.332)	(77.741.818)	(1.124.994.247)	-	(749.496.108.459)
Giảm khác	(88.880.079.587)	(78.429.734.103)	-	-	-	(167.309.813.690)
Tại ngày 31/03/2013	<u>233.302.717.245</u>	<u>862.211.103.505</u>	<u>38.660.154.148</u>	<u>5.629.349.666</u>	<u>1.090.000.000</u>	<u>1.140.893.324.564</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/04/2012	33.940.521.085	249.169.297.946	11.050.635.420	3.616.396.246	276.935.737	298.053.786.434
Điều chỉnh hồi tố (i)	2.615.300.512	7.271.454.755	509.122.214	190.669.881	29.476.019	10.616.023.381
Tại ngày 01/04/2012 sau điều chỉnh hồi tố	36.555.821.597	256.440.752.701	11.559.757.634	3.807.066.127	306.411.756	308.669.809.815
Khấu hao trong năm	8.905.538.337	84.848.425.759	4.805.938.856	831.164.464	314.102.554	99.705.169.970
Thanh lý, nhượng bán	(5.191.970.129)	(81.686.624.722)	(144.221.915)	(304.356.024)	-	(87.327.172.790)
Tăng/Giảm khác	-	(65.479.235)	-	-	-	(65.479.235)
Tại ngày 31/03/2013	<u>40.269.389.805</u>	<u>259.537.074.503</u>	<u>16.221.474.575</u>	<u>4.333.874.567</u>	<u>620.514.310</u>	<u>320.982.327.760</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/04/2012	<u>300.692.986.188</u>	<u>1.229.670.933.532</u>	<u>27.347.260.546</u>	<u>2.710.906.957</u>	<u>813.064.263</u>	<u>1.550.619.128.105</u>
Tại ngày 31/03/2013	<u>193.033.327.440</u>	<u>602.674.029.002</u>	<u>22.438.679.573</u>	<u>1.295.475.099</u>	<u>469.485.690</u>	<u>819.910.996.804</u>

Hầu hết các tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng.

(i) Điều chỉnh chi phí khấu hao tài sản cố định năm 2009 do trích thiếu khấu hao của Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka Korea.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/04/2012	1.309.097.613	941.686.192	2.250.783.805
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/03/2013	1.309.097.613	941.686.192	2.250.783.805
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/04/2012	149.576.531	569.401.191	718.977.722
Điều chỉnh hồi tố	31.407.204	-	31.407.204
Số dư tại ngày 01/04/2012 sau điều chỉnh hồi tố	180.983.735	569.401.191	750.384.926
Khấu hao trong năm	29.091.060	143.696.407	172.787.467
Tại ngày 31/03/2013	210.074.795	713.097.598	923.172.393
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/04/2012	1.159.521.082	372.285.001	1.500.398.879
Tại ngày 31/03/2013	1.099.022.818	228.588.594	1.327.611.412

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	441.795.590.642	343.488.904.301
Xưởng Hatachi	1.625.281.972	5.613.933.593
Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Hanaka	141.939.386.895	110.632.232.118
Nhà xưởng tập đoàn Hanaka	3.996.412.760	3.798.484.841
Xưởng máy biến áp truyền tải	94.113.494.962	-
Nhà xưởng đường số 5 KCN Tam Phước (i)	20.825.231.969	-
Chi phí xây dựng khác	1.976.942.050	1.293.210.165
	706.272.341.250	464.826.765.018

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây nhà xưởng, toàn bộ nhà xưởng đã đi vào sử dụng từ lâu nhưng do chưa được quyết toán nên Công ty chưa kết chuyển ghi tăng tài sản.

Biến động chi phí xây dựng cơ bản trong năm

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
Số đầu năm	464.826.765.018	464.826.765.018
- Số tăng trong kỳ	376.689.540.310	-
- Kết chuyển tăng tài sản	(132.967.310.958)	-
- Giảm khác	(2.276.653.120)	-
Số dư cuối năm	706.272.341.250	464.826.765.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/04/2012	47.189.330.000	47.189.330.000
Tại ngày 31/03/2013	47.189.330.000	47.189.330.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/04/2012	437.500.002	437.500.002
Trích khấu hao trong năm	99.999.996	99.999.996
Tại ngày 31/03/2013	537.499.998	537.499.998
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/04/2012	46.751.829.998	46.751.829.998
Tại ngày 31/03/2013	46.651.830.002	46.651.830.002

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Công ty CP XD Công nghiệp Hanaka	400.000.000	400.000.000
Cộng	400.000.000	400.000.000

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Hồng Ngọc để xây dựng Trung tâm Thương mại Hồng Kông	60.000.000.000	60.000.000.000
Mua CP của công ty CP Thiết bị điện	9.632.097.500	10.532.097.500
Đầu tư cổ phiếu	6.201.496.325	-
Cho vay dài hạn	-	-
Cộng	75.833.593.825	70.532.097.500

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Số đầu năm	40.492.731.371	40.492.731.371
- Số tăng trong năm	5.862.220.777	-
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(22.105.333.845)	-
- Giảm khác	(414.266.767)	-
Số dư cuối năm	23.835.351.536	40.492.731.371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết số dư như sau:

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	VND
CLTG do đánh giá lại khoản công nợ	5.522.277.328	20.394.688.524
Công cụ dụng cụ xuất dùng	234.079.833	-
Giá trị lợi thế kinh doanh (i)	10.658.601.833	13.409.208.757
Chi phí khác	7.420.392.542	6.688.834.090
Cộng	23.835.351.536	40.492.731.371

(i) Giá trị lợi thế kinh doanh là giá trị lợi thế được xác định khi chuyển đổi Nhà máy thiết bị điện Hanaka sang Công ty Cổ phần tập đoàn Hanaka theo văn bản số 127/TĐG-KQ ngày 12/02/2007 và công văn số 38N/TĐG-CV ngày 03/04/2007 của Trung tâm Thẩm định giá - Bộ Tài chính và đã được các cổ đông sáng lập thông qua theo Biên bản họp ngày 12/02/2007. Công ty phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh này trong thời gian 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2013	04/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn VND	658.792.778.408	742.646.811.356
Ngân hàng NN&PTNT Bắc Ninh	197.586.103.464	620.253.415.689
Ngân hàng Habubank Thanh Quan HN	65.000.000.000	39.700.000.000
Ngân hàng ĐT&PT VN Phòng GD6-SGD	147.905.634.763	82.693.395.667
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Sở giao dịch 1	148.927.610.661	-
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	97.402.920.637	-
Vay ngắn hạn đối tượng khác	1.970.508.883	-
Vay ngắn hạn ngoại tệ	193.391.561.421	159.463.129.493
Ngân hàng NN & PTNT Bắc Ninh	90.486.522.138	81.275.296.120
Ngân hàng ĐT&PT VN Phòng GD6-SGD	102.905.039.283	78.187.833.373
Vay ngắn hạn khác	-	16.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	12.552.000.000	-
Cộng	864.736.339.829	918.109.940.849

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2013	4/1/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	15.819.402.430	25.169.403.103
Thuế xuất, nhập khẩu	1.328.844.017	3.470.908.246
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.196.948.738	1.702.810.858
Thuế thu nhập cá nhân	220.412.414	344.982.590
Thuế tài nguyên	14.383.800	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	636.093.000	-
Các loại thuế khác	250.000.722	-
Cộng	23.466.085.121	30.688.104.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2013	1/4/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.686.385.566	1.513.969.504
Kinh phí công đoàn	158.772.749	113.135.621
Bảo hiểm xã hội	380.336.897	840.006.711
Bảo hiểm y tế	13.841.365	59.858.837
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	265.660.000	743.110.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.886.481.877	59.116.072.011
Bảo hiểm thất nghiệp	10.184.540	23.851.730
Phải trả khác		
Cộng	14.401.662.994	62.410.004.414

20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	(Trình bày lại) VND
Công ty cổ phần bao bì Hanaka A.B.M	-	28.469.710.469
Công ty Cổ phần Re xam Hanacans	-	35.874.898.089
Công ty CP Kinh doanh vật tư Vinametal	81.000.000.000	-
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	10.020.000.000	10.000.000.000
Cộng	91.020.000.000	74.344.608.558

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/03/2013	01/04/2012
	VND	(Trình bày lại) VND
Vay Ngân hàng		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD 6	106.000.000.000	111.500.000.000
Ngân hàng NN và PTNT tỉnh Bắc Ninh	145.518.047.221	999.314.553.823
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội - CN Thanh Quan	234.177.410.665	-
Ngân hàng NN & PTNT - CN Hoàng Quốc Việt (VND)	52.134.732.780	-
Ngân hàng NN & PTNT - CN Hoàng Quốc Việt (USD)	259.508.437.980	-
Ngân hàng NN & PTNT - CN Hoàng Quốc Việt (EUR)	2.189.550.000	-
Ngân hàng NN & PTNT - CN Thị xã Từ Sơn (VND)	5.274.314.457	-
Ngân hàng NN & PTNT - CN Thị xã Từ Sơn (USD)	25.031.035.910	-
Ngân hàng NN & PTNT - CN Thị xã Từ Sơn (EUR)	299.265.040	-
	830.132.794.053	1.110.814.553.823

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01-2009/HANAKA-SGD/HĐTDH ngày 31/07/2009 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Sở giao dịch. Hạn mức tín dụng là tổng số tiền gốc bằng VND tối đa tương ứng 7.609.805 USD. Mục đích vay là sử dụng thanh toán tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Hanaka Iljin. Thời hạn vay là 72 tháng. Lãi suất được tính bằng tổng 3%/năm và Lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm dân cư bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng). Bảo đảm tiền vay là cầm cố toàn bộ quyền góp vốn pháp nhân mới sau khi mua lại Công ty CP Hanaka Iljin; 8.583.400 Cổ phần của ông Mẫn Ngọc Anh tại Công ty CP Hanaka; thế chấp tài sản của bên thứ 3 là 55,78 m² và tài sản gắn liền trên đất của ông Mẫn Ngọc Anh và vợ là bà Lê Thu Hà tại số 206 phố Đội Cấn, phường Đội Cấn - quận Ba Đình, Hà Nội; tài sản gắn liền trên đất thuê 50 năm của Công ty CP Hanaka tại 208 Đội Cấn, phường Đội Cấn - quận Ba Đình, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số 2600 – LAV- 201000305 ngày 19/05/2010 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Bắc Ninh. Hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích vay là bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ, giải tỏa, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp HANAKA. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay VND là 15,3% và USD, EUR là 7,5%. Bảo đảm tiền vay là các tài sản cố định của Công ty.

Công ty đang đàm phán về lịch trả nợ của các khoản vay dài hạn nên chưa thực hiện phân loại nợ dài hạn đến hạn trả trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/03/2013. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty có thể được gia hạn cũng như có đủ nguồn chi trả các khoản nợ đến hạn theo lịch trả nợ thống nhất với ngân hàng trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka - thị xã Từ Sơn - tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09-DN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/03/2011	766.111.437.372	136.107.750.000	(22.983.578.889)	131.515.954.504	1.010.751.562.987
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(83.629.136.669)	(83.629.136.669)
Trà cổ tức	-	-	-	(427.939.996)	(427.939.996)
Tăng khác	-	-	1.363.474.720	-	1.363.474.720
Số dư tại ngày 31/03/2012	766.111.437.372	136.107.750.000	(21.620.104.169)	47.458.877.839	928.057.961.042
Điều chỉnh hồi tố (i)	-	-	-	(10.647.430.585)	(10.647.430.585)
Số dư tại ngày 31/03/2012	766.111.437.372	136.107.750.000	(21.620.104.169)	36.811.447.254	917.410.530.457
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.773.844.318	24.773.844.318
Tăng khác	-	27.744.290.488	23.706.132.100	2.268.097.330	53.718.519.918
Giảm khác (i)	-	-	(2.084.593.407)	-	(2.084.593.407)
Số dư tại ngày 31/03/2013	766.111.437.372	136.107.750.000	1.434.524	63.853.388.902	993.818.301.286

(i) Điều chỉnh chi phí khấu hao tài sản cố định năm 2009 do trích thiếu khấu hao tại Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka Korea.

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 ngày 05/08/2011, vốn điều lệ của Công ty là 1.100.000.000.000 đồng, vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/03/2013 như sau:

Cổ đông	Số CP	Vốn điều lệ góp theo đăng ký kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/03/2013
		VND	VND
		%	%
Công ty TNHH Hồng Ngọc	65.269.400	652.694.000.000	488.449.307.372
Mẫn Ngọc Anh	18.583.400	185.834.000.000	186.334.000.000
Đặng Đình Tĩnh	-	-	33.691.030.000
Các cổ đông khác	26.147.200	261.472.000.000	57.637.100.000
Tổng cộng	110.000.000	1.100.000.000.000	766.111.437.372
		100,0	69,6

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hoá	1.775.665.690.980	1.558.788.129.902
Doanh thu bán thành phẩm		1.157.348.882.965
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.325.539.063	45.812.481.241
Doanh thu khác	1.247.602.220	-
Cộng	1.795.238.832.263	2.761.949.494.108
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.971.283.685	2.419.507.029
Giảm giá hàng bán	7.474.083.685	280.703.873
Hàng bán bị trả lại	497.200.000	2.138.803.156
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.787.267.548.578	2.759.529.987.079

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	1.568.098.511.836	2.713.717.505.838
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	16.461.654.004	45.812.481.241
Cộng	1.584.560.165.840	2.759.529.987.079

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	478.584.565	5.097.185.084
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.767.957.896	1.369.028.492
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.142.009.065	4.959.739.088
Lãi bán hàng trả chậm	1.051.400.000	74.970.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	710.644.440	331.108.657
Cộng	6.150.595.966	11.832.031.321

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	147.529.492.982	239.373.197.039
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	290.013.057
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.354.464.983	35.216.357.650
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	12.770.919.082	136.114.598
Chi phí tài chính khác	66.156.038.564	4.157.987.857
Cộng	231.810.915.611	279.173.670.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi từ hoạt động góp vốn bằng tài sản (i)	12.342.222.332	-
Thu từ chuyển nhượng tài sản cố định (ii)	835.574.918.197	-
Thu khác	31.231.388.141	70.517.869.877
Thu nhập khác	879.148.528.670	70.517.869.877
Chi phí thanh lý TSCĐ (ii)	656.858.966.966	-
Chi phí từ chuyển nhượng tài sản cố định (ii)	8.878.058.570	-
Chi phí khác	50.632.259.162	73.617.767.012
Chi phí khác	716.369.284.698	73.617.767.012
Lợi nhuận khác	162.779.243.972	(3.099.897.135)

- (i) Lãi thu từ hoạt động góp vốn bằng tài sản là giá trị tài sản đem góp vốn của Công ty vào Công ty Cổ phần Re Xam Hanacans được đánh giá tăng thêm so với chi phí đầu tư mua sắm tài sản.
- (ii) Giá trị chuyển nhượng toàn bộ Dự án đầu tư hoàn thành bao gồm nhà xưởng, hệ thống dây truyền, máy móc thiết bị và các tài sản khác gắn liền với dự án của Công ty Cổ phần Rexam ABM cho Công ty TNHH Bao Bì Nước giải khát Crown Đồng Nai với giá trị là 808.133.280.197 đồng. Công ty đã điều chỉnh giảm tương ứng nguyên giá tài sản cố định hữu hình là 749.496.108.459 đồng, giá trị hao mòn lũy kế là 95.918.122.571 đồng và giá trị chi phí khác là 3.280.981.078 đồng. Giá trị chuyển nhượng dự án này chưa bao gồm toàn bộ phần tài sản lưu động được chuyển nhượng đi kèm đang được Công ty ghi nhận vào doanh thu hoạt động kinh doanh chính. Đồng thời phản ánh giá trị chuyển nhượng của tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka Korea với giá trị chuyển nhượng là 27.441.638.000 đồng, nguyên giá là 8.878.058.750 đồng.

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	45.453.066.424	(86.987.895.926)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	45.453.066.424	(86.987.895.926)
Chuyển lỗ năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế	45.453.066.424	(86.987.895.926)
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.156.948.737	378.959.261

Công ty đang xác định lợi tức kế toán tương đương với lợi tức tính thuế và chưa loại trừ các khoản chi phí không được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2012 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu được trình bày lại, cụ thể:

Chỉ tiêu	31/03/2012 (đã kiểm toán)	31/03/2012 (trình bày lại)	Chênh lệch	Ghi chú
Vay và nợ dài hạn	1.175.159.162.381	1.110.814.553.823	(64.344.608.558)	<1>
Phải trả dài hạn khác	10.000.000.000	74.344.608.558	64.344.608.558	<1>
Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	(298.053.786.434)	(308.669.809.815)	(10.616.023.381)	<2>
Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình	(718.977.722)	(750.384.926)	(31.407.204)	<2>
Lãi/lỗ sau thuế chưa phân phối	47.458.877.840	36.811.447.255	(10.647.430.585)	<2>

<1> Phân loại lại một số số dư khoản vay dài hạn sang phải trả dài hạn khác tại Công ty mẹ do đây là các khoản do các Công ty con là Công ty cổ phần bao bì Hanaka ABM và Công ty cổ phần Rexam Hanacans cho Công ty mẹ vay tiền không tính lãi nên đã trình bày sang khoản phải trả dài hạn khác.

<2> Điều chỉnh bổ sung chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình tính thiếu năm 2009 tại Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka Korea.



Mẫn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 26 tháng 09 năm 2013

Trần Lục Xít
Q. Giám đốc tài chính

Trần Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

